TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 3173/2025/DS-ST
Ngày 04/6/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Hương
Ông Nguyễn Thành Vinh

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Giang - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1470/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3173/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7749/2025/QĐST-DS ngày 07/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông LM, sinh năm 1980, Địa chỉ: 125/3/3 đường An Phú Đông 3, phường Ag, Quận M, Thành phố H- có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà N, sinh năm 1974, Địa chỉ: 53/5 đường G, phường T, thành p Thành phố H- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/7/2022, bà N có vay của ông số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 6 tháng tính từ ngày 18/7/2022 đến ngày 18/01/2023, không thỏa thuận lãi suất.

Tuy nhiên kể từ đó đến nay đã gần 2 năm, bà Phương chỉ trả được cho ông 10.000.000 đồng, còn lại không trả, mặc dù thời gian vay mượn đã lâu, ông đã nhiều lần yêu cầu hoàn trả số tiền trên nhưng bà Phương vẫn không chịu trả khoản tiền trên cho ông, kể cả khi ông nhắn tin, gọi điện rất nhiều lần thì bà Phương vẫn không trả lời, đến nhà thì bà Phương luôn trốn tránh để không trả khoản tiền trên cho ông.

Việc vay tiền chỉ có một mình bà Phương vay và bà Phương vay để tiêu dùng cá nhân.

Vì vậy, ông làm đơn này yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết: Buộc bà N phải trả khoản tiền vay còn thiếu cho ông là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/01/2023 cho đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm.

Ông chỉ yêu cầu một mình bà N, không yêu cầu ai nữa.

Bị đơn bà N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vắng mặt, không có bản khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần khắc phục.

Về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn gồm cả gốc và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định

hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà N theo qui định của pháp luật nhưng đương sự nói trên vẫn vắng mặt, không có lý do. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt.

[3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vắng mặt, không có bản khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do tòa án thu thập, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bà N có vay tiền ông LM số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng theo giấy vay tiền ngày 18/7/2022, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 18/7/2022 đến ngày 18/01/2023, không thỏa thuận lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà N đã thanh toán cho ông Tài số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền nợ gốc chưa trả mặc dù ông Tài đã yêu cầu trả nhiều lần.

Nay nguyên đơn ông LM yêu cầu bị đơn bà N trả số tiền gốc 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu trả lãi:

Căn cứ giấy vay tiền ngày 18/7/2022, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 18/7/2022 đến ngày 18/01/2023, không thỏa thuận lãi suất. Như vậy tính từ ngày 19/01/2023 là bà Phương đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 50.000.000 đồng. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bà N trả tiền lãi tính từ ngày 19/01/2023 cho đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm ngày 04/6/2025 theo mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ, phù hợp với Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Cụ thể bà N chịu tiền lãi chậm trả là 50.000.000 đồng x 10%/365 x 856 ngày = 11.726.000 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi là 61.726.000 (sáu mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn bà N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.086.300 (ba triệu không trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm) đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông LM đã nộp là 1.426.375 (một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai số 0042445 ngày 20/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Áp dụng Nghị quyết 01/20019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi suất, lãi, phạt vi phạm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán cho ông LM tiền gốc và lãi tổng cộng 61.726.000 (sáu mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật hình sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.086.300 (ba triệu không trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm) đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông LM đã nộp là 1.426.375 (một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai số 0042445 ngày 20/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7a, 7b, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc giờ phút ngày 04/6/2025, tại Phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Hương
Ông Huỳnh Tiến Dũng.

Tiến hành nghị án vụ án vụ án dân sự thụ lý số: 1470/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3173/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7749/2025/QĐST-DS ngày 07/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông LM, sinh năm 1980, Địa chỉ: 125/3/3 đường An Phú Đông 3, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh- có đơn xin mặt.

Bị đơn: Bà N, sinh năm 1974, Địa chỉ: 53/5 đường Gò Dưa, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trang tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Áp dụng Nghị quyết 01/20019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi suất, lãi, phạt vi phạm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán cho ông LM tiền gốc và lãi tổng cộng 61.726.000 (bảy mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật hình sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.086.300 (ba triệu không trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm) đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông LM đã nộp là 1.426.375 (một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai số 0042445 ngày 20/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7a, 7b, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 03/03

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ ngày 04/6/2025

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và cùng ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
	Vũ Văn Thắng